

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+BK10+BK15	7:25	21+1+0	0+0+0		15+0+6	0+0+0	
2		MRM+TD5+RC3	7:25	7+13	0+0+0		1+1+19	0+0+0	
3		MRM+PPD+TD3	7:25	7+7+7	0+0+0		0+0+12	0+0+0	
4		TD5+TD3+P7	9:25	12+10+0	0+0+0		8+2+0	0+0+0	CHUYEN 4 TD5 P7
5		CTK3+VSP02	9:25	13+0+9	0+0+0		1+3+0	0+0+0	
6		P10 ~	17:25	0	0		0	0	HUAN LUYEN BAY

TTDPSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	TO: PVD2 - BK10 - BK15	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH MINH	PVD2	75	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
2	CAP VAN SEN	PVD2	58	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
3	DAU HOANG LONG	PVD2	66-67	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
4	DO DUC MANH	PVD2	59	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
5	DO QUANG DUNG	PVD2	81	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THE TRUONG	PVD2	64	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN TIEN	PVD2	60	1	6		46	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM NGOC HAI	PVD2	73	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
9	VO QUANG LOC	PVD2	68	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
10	DANG VAN THUC	PVD2	61	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TUAN ANH	PVD2	62	1	6		99	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NAM THANG	PVD2	63	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	LE QUANG DAO	PVD2	74	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
14	TONG VAN DAT	PVD2	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	DUONG QUOC VIET	PVD2	65	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN XUAN THUY	PVD2	71	1	6		69	PV DRILL	Vietnamese
17	DUONG KY TAM	PVD2	76	1	13		74	PV DRILL	Vietnamese
18	ĐẶNG THẾ PHÚC	PVD2	79-80	2	12		69	PV DRILL	Vietnamese
19	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	77-78	2	12		75	PV DRILL	Vietnamese
20	PHAM VAN DO	PVD2	70	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
21	DOAN VAN AN	PVD2	72	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH PHONG	BK10	47	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	24	170	1.462	0	15		
2	BK10	1	1	10	73	0	0		
3	BK15	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		22	25	180	1.535	20	21		
WEIGHT KG				180	1.535	20			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2021	TO: MRM - TD5 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

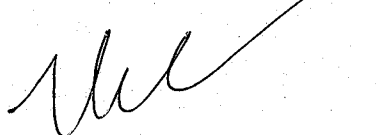
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC HUNG	MRM	22	1	7	40	75	KHOAN	Vietnamese
2	DO VINH TUY	MRM	23	1	9	173	80	KHOAN	Vietnamese
3	ZHESTKOV IGOR	MRM	24	1	10		121	KHOAN	Russian
4	ZINOVYEV EVGENY	MRM	18	1	6		86	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VAN PHUC	MRM	19	1	12	22	73	KHOAN	Vietnamese
6	LUU HOANG	MRM	20	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HUY CHUONG	MRM	21	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	DAVYDOV D.S	TD5	18	1	3		67	KHOAN	Russian
9	ĐANG VAN THUAN	TD5	24	1	9		89	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN ĐANG NGOC	TD5	25	1	5		75	PSV	Vietnamese
11	TRẦN MINH HUNG	TD5	27	1	5		86	PSV	Vietnamese
12	CHUSH M.	TD5	19	1	7		106	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	23	1	2		81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	16-17	2	11		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	26	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	15	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	14	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
18	VI HUNG CUONG	TD5	22	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
19	MAI TRUONG TRUNG	TD5	21	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
20	ĐAO THANH SƠN	TD5	20	1	4		54	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

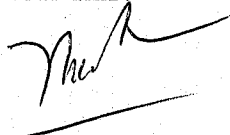
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	7	57	555	235	1		THAO I GHE DOI DE CHO HANG
2	TD5	13	14	69	959	0	16		
3	RC3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	21	126	1.514	235	20		
WEIGHT KG				126	1.514	235			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

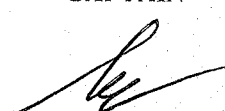
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: MRM - PPD - TD3	CREW: Vận - XTrường - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VAN LAI	MRM	47-49	3	17		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUEN HUU TAN	MRM	05,75	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
3	IGOR SEREBROV	MRM	46	1	13		80	KHOAN	Russian
4	DO VAN NAM	MRM	400	1	10	65	85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN NHAT	MRM	83	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	DMITRII MIKHAILOV	MRM	43,600	2	17		110	KHOAN	Russian
7	TRAN HUA TUAN	MRM	44-45	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
8	HA THAI QUOC	PPD	82-83	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CAO CUONG	PPD	84-85	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI CONG THANH	PPD	77	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HIEN	PPD	78-79	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN MANH CUONG	PPD	76	1	12	25	70	XAYLAP	Vietnamese
13	HA XUAN THANH	PPD	80-81	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
14	LE ANH CUONG	PPD	86	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
15	KODZOEVI M.M	TD3	27	1	10		90	KHOAN	Russian
16	TRAN VAN THO	TD3	28	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	VO VAN DUNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG MINH TOAN	TD3	30	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	DAO TIEN THIET	TD3	32-33	2	17		62	KHOAN	Vietnamese
20	KHUAT QUANG KIEN	TD3	29	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
21	DANG DINH PHUAC	TD3	31	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN NAM CUONG	TD3	26	1	2		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

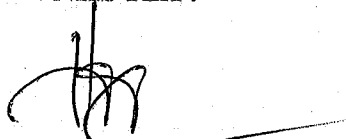
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	12	95	547	65	0		
2	PPD	7	11	97	522	25	0		
3	TD3	8	8	47	600	0	12		
TOTAL		22	31	239	1.669	90	12		
WEIGHT KG				239	1.669	90			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

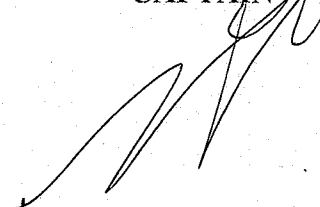
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: TD3 - TD5 - P7	CREW: VThắng - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG MINH HAI*PK-PVD	TD3	37	1	6	30	79	KHOAN	Vietnamese
2	LAI THE DAT	TD3	38	1	9		94	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN CHUNG	TD3	34-35	2	20		75	KHOAN	Vietnamese
4	LE MANH THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
5	VU TRONG NGHIA	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN CHANH	TD3	36	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TD3	41	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DINH LOI	TD3	39	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN ANH	TD3	42	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DOAN HUNG	TD3	40	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HIEU	TD5	28	1	7	21	88	KHOAN	Vietnamese
12	VLASHOV A.V	TD5	835	1	13		88	KHOAN	Russian
13	TRAN TRUNG THANG	TD5	29	1	3		75	PSV	Vietnamese
14	TRINH QUOC HUNG	TD5	33	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN THỊNH	TD5	22	1	4		47	PSV	Vietnamese
16	PHAM QUANG HUY	TD5	21	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG MINH	TD5	32	1	6		80	PSV	Vietnamese
18	LUONG ANH HAI	TD5	35	1	7		55	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TU TOAN	TD5	36	1	5		48	PSV	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC VIỆT	TD5	34	1	6		72	PSV	Vietnamese
21	HOANG THAI VIET	TD5	31	1	12		71	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HIEU	TD5	30	1	15		88	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	9	81	767	30	2		CHUYEN 4 PAX TD5 SANG P7
2	TD5	12	12	88	849	21	11	4	
3	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	21	169	1.616	51	13		
WEIGHT KG				169	1.616	51			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: VSP02 - CTK3	CREW: Vận - XTrường - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN HIỆP THỊ	VSP02	35	1	15		75	DUY LINH	Vietnamese
2	NGÔ VĂN QUANG	VSP02	96	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
3	NGÔ XUÂN NGHĨA	VSP02	92	1	12	20	70	DUY LINH	Vietnamese
4	HOÀNG CÔNG LINH	VSP02	98-99	2	12		65	DUY LINH	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN HÙNG	VSP02	93	1	10		82	DUY LINH	Vietnamese
6	ĐẶNG TRẦN LONG	VSP02	94-95	2	15		65	DUY LINH	Vietnamese
7	VŨ VĂN THANH	VSP02	36-38	3	15		60	DUY LINH	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TỰ	VSP02	97	1	11		65	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH ĐẠO	VSP02	34	1	12		75	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀ	CTK3	52-53	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	CTK3	41	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY GIANG	CTK3	42	1	12	20	66	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ VĂN TRUNG	CTK3	46-47	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN CÔNG MẠNH	CTK3	43	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	CTK3	50-51	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN QUYÊN	CTK3	44-45	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ NGỌC SƠN	CTK3	49	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	40	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	CTK3	38-39	2	12		89	XAYLAP	Vietnamese
20	CHU KIM SƠN	CTK3	48	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH XUÂN HỒNG	CTK3	55	1	7		84	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN MINH NGỌC	CTK3	56	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	13	112	622	20	0		
2	CTK3	13	18	153	908	20	1		
TOTAL		22	31	265	1.530	40	1		
WEIGHT KG				265	1.530	40			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN